CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (HSX: RAL)

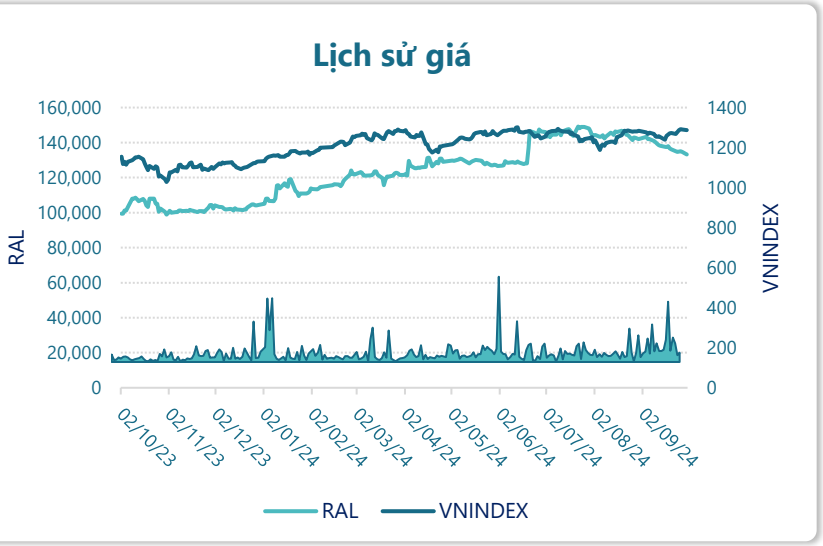

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**133,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	149,151
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	98,879
SL cổ phiếu LH	23,547,419
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,215
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,139
P/E	5.2
EPS	25,611

DT thuần

Q3/24

1,329

tỷ VNĐ

QoQ: ▼790| -37.3%

YoY: ▲ 48.0| 3.7%

LN sau thuế

Q3/24

76.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼60.4| -44.1%

YoY: ▼20.3| -20.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

7.7%

+/- YoY: ▼ 2.1%

DT thuần

9T 2024

6,279

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,337| 27.1%

LN sau thuế

9T 2024

409

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.0| 4.8%

ROE

Q3/24

20.4%

+/- YoY: ▼ 2.6%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

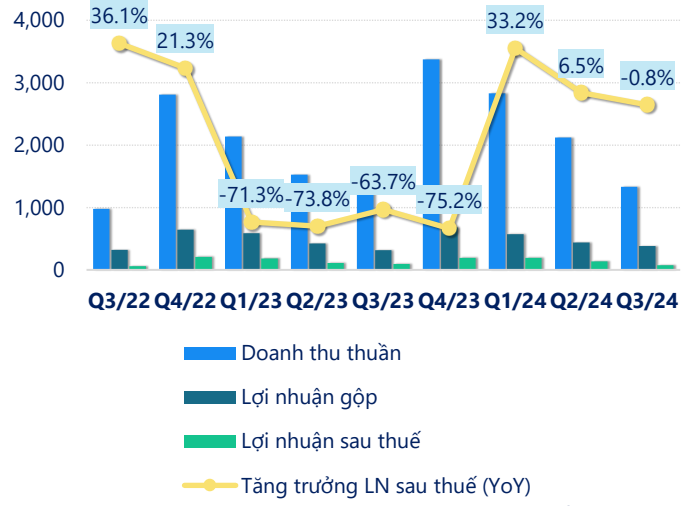

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

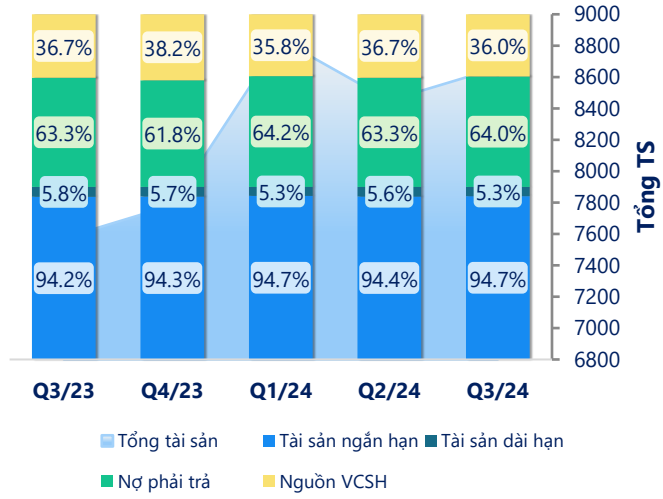

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

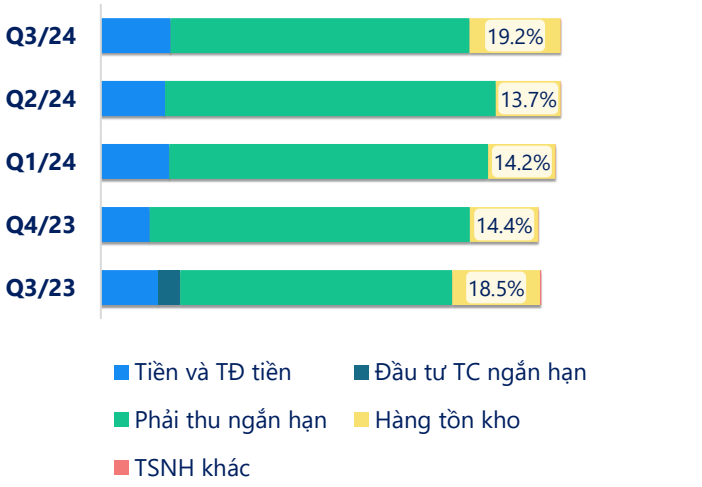

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

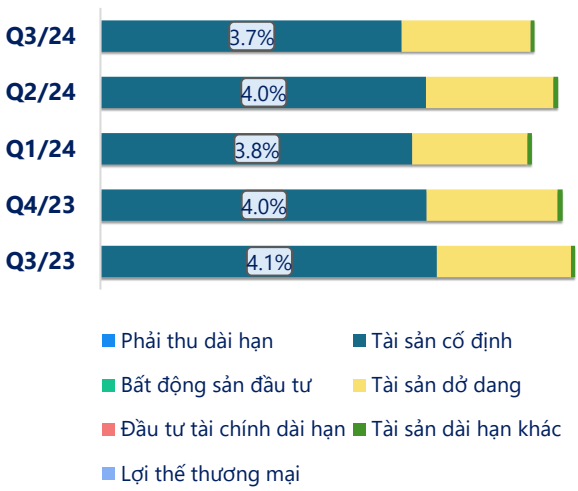

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

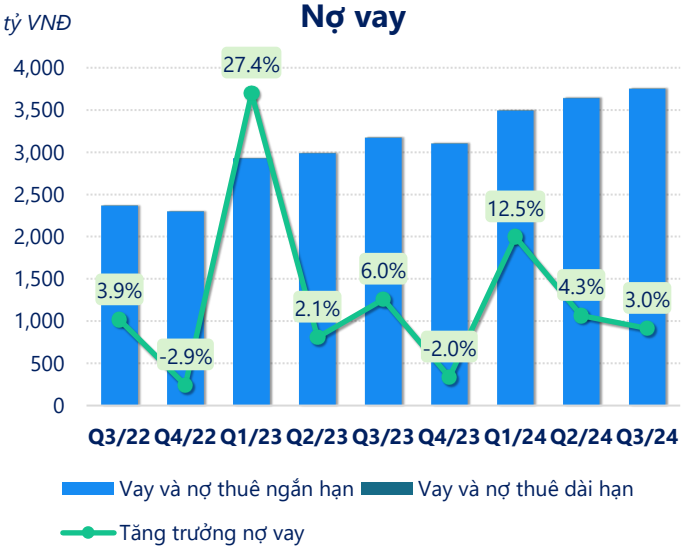

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

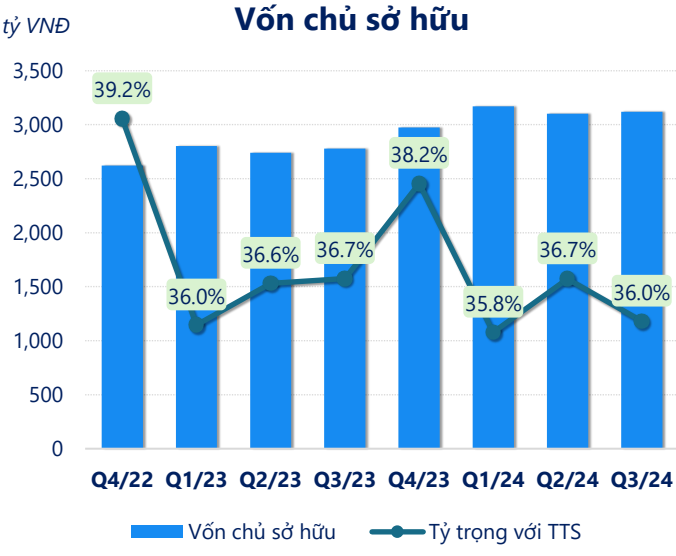

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

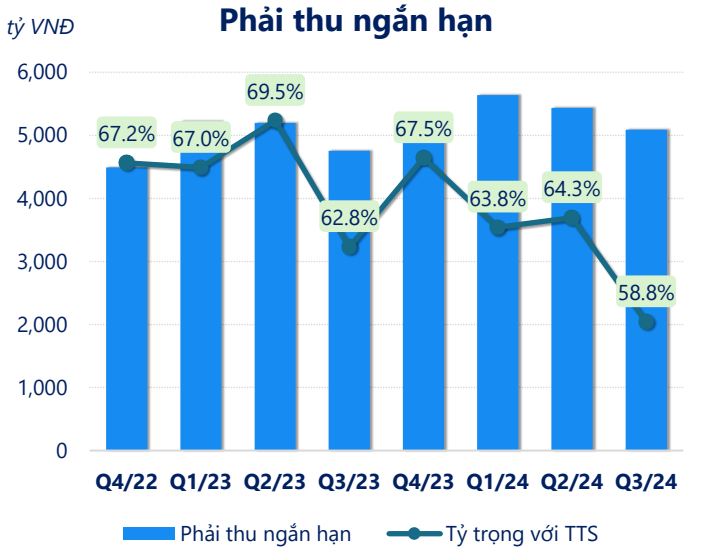

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

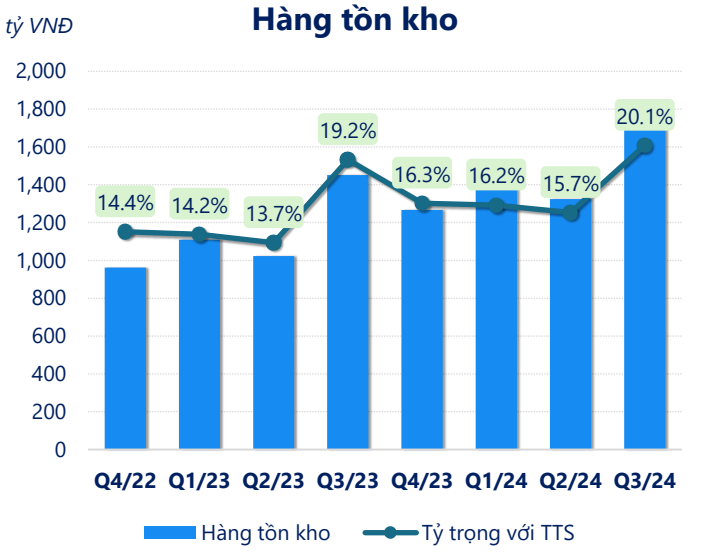

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

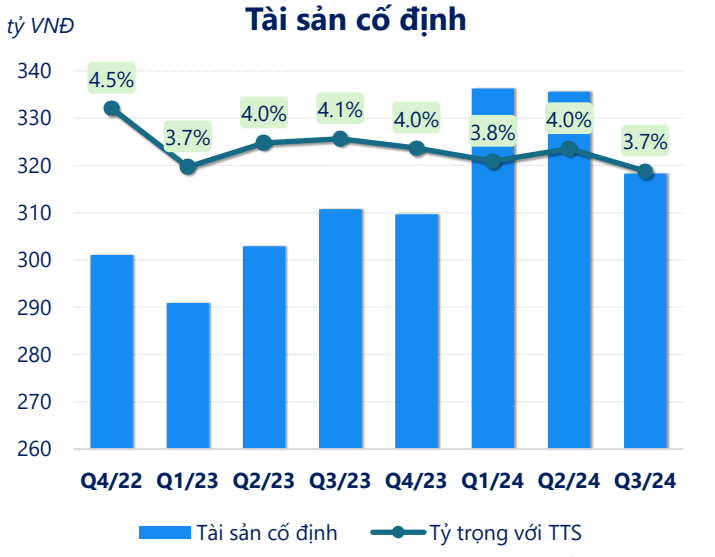

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

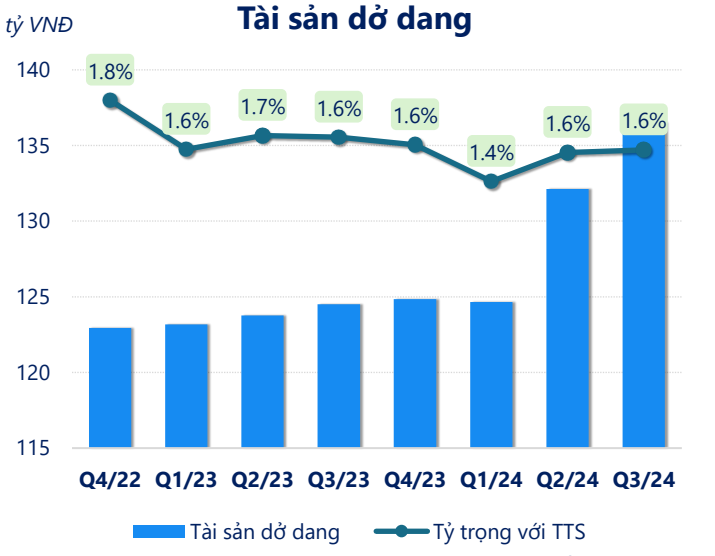

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

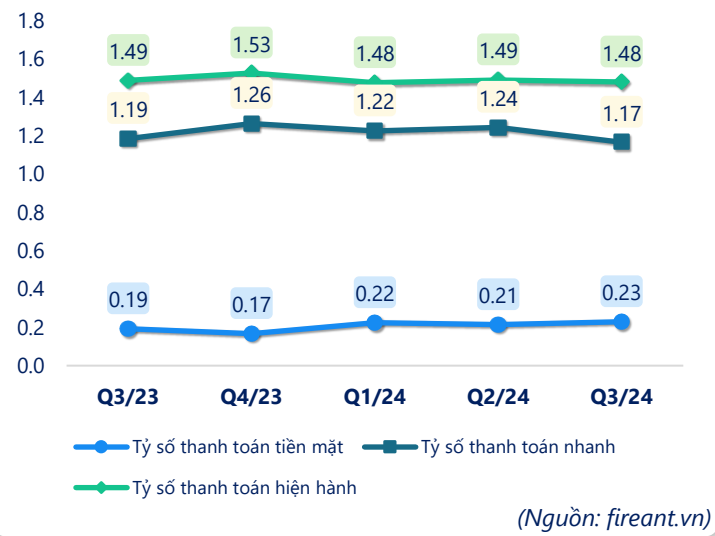

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

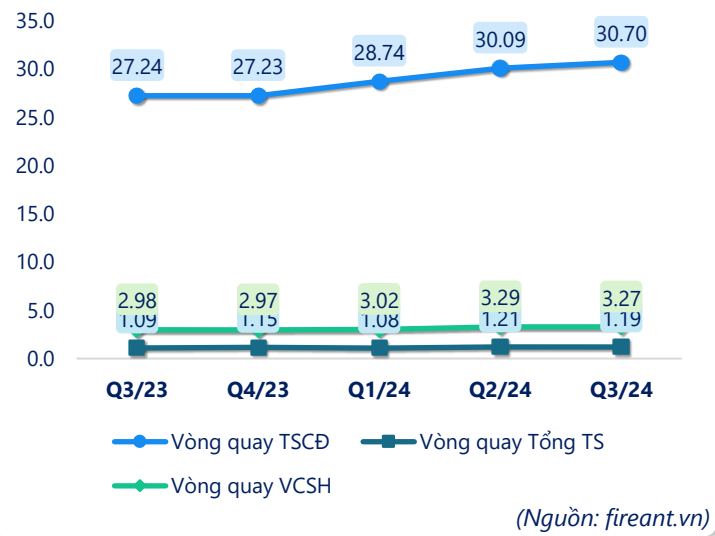

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**7,574**	**7,784**	**8,840**	**8,451**	**8,658**
Tài sản ngắn hạn	**7,134**	**7,343**	**8,373**	**7,977**	**8,198**
Tiền và tương đương tiền	920	802	1,269	1,141	1,268
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	4,755	5,252	5,641	5,435	5,092
Hàng tồn kho	1,452	1,267	1,428	1,324	1,741
Tài sản ngắn hạn khác	7.26	20.7	34.6	77.9	97.5
Tài sản dài hạn	**440**	**441**	**467**	**474**	**460**
Phải thu dài hạn	1.40	1.34	1.34	1.34	1.39
Tài sản cố định	311	310	336	336	318
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	125	125	125	132	137
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.74	4.96	5.07	4.90	4.31
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**4,795**	**4,809**	**5,671**	**5,350**	**5,539**
Nợ ngắn hạn	**4,794**	**4,808**	**5,670**	**5,349**	**5,538**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,168	3,103	3,490	3,641	3,750
Phải trả người bán ngắn hạn	1,002	931	1,587	894	1,027
Nợ dài hạn	0.84	0.84	0.84	0.84	0.84
Vay và nợ thuê dài hạn	0.84	0.84	0.84	0.84	0.84
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,780**	**2,974**	**3,169**	**3,101**	**3,119**
Vốn chủ sở hữu	**2,780**	**2,974**	**3,169**	**3,101**	**3,119**
Vốn điều lệ	235	235	235	235	235
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)